

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ
PHƯỚC AN

=★=

Số: 36...../CV-CPPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường niên
năm 2022

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 04. năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty Cổ phần cà phê Phước An.

Mã chứng khoán: CPA

Trụ sở chính: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0262 3521149 Fax: 0262 3521246

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Huyền Trâm – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.

Loại thông tin công bố:

☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần cà phê Phước An công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.
Nội dung công bố thông tin đăng tại website: www.phuocancoffee.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022- Công ty Cổ phần cà phê Phước An.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKHQQT.

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÀ PHÊ
PHƯỚC
AN** Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN CÀ PHÊ
PHƯỚC AN
Date:
2023.04.18
09:42:14
+07'00'

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huyền Trâm

=oOo=

Số: ...33.../BC-CPPA

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN NĂM 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 6000183273 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 20/06/1996; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 31/12/2020.
- Vốn điều lệ: 236.279.900.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 236.279.900.000 đồng
- Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: (0262) 3521149 - Số fax: (0262) 3521246
- Website: www.phuocancoffee.com.vn
- Mã cổ phiếu: CPA
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Công ty Cổ phần Cà phê Phước An thực hiện cổ phần hóa theo Công văn số 6070/UBND-TCTM ngày 03/09/2013 của UBND Tỉnh về việc thí điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An và Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An.
 - Ngày 10/08/2017, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cà phê Phước An.
 - Ngày 18/08/2017, Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cà phê Phước An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000183273 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18/08/2017 do Sở KH&ĐT tỉnh Đắk Lắk cấp với vốn điều lệ là 136.279.900.000 đồng; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02/6/2020 do Sở KH&ĐT tỉnh Đắk Lắk cấp với vốn điều lệ là 236.279.900.000 đồng.
 - Ngày 16/10/2017, Công ty Cổ phần Cà phê Phước An được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 6913/UBCK-GSDC của UBCKNN.
 - Ngày 26/11/2019, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 59/2019/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 13.627.990 cổ phiếu và mã chứng khoán là CPA và Đăng ký Chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 59/2019/GCNCP-VSD-1 ngày 26/06/2020.
 - Ngày 20/12/2019, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp Quyết định số 861/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Cà phê Phước An. Theo đó, cổ phiếu Công ty chính thức giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom từ ngày 30/12/2019.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cà phê.	0126
2	Chế biến cà phê.	0163
3	Mua bán nông sản.	4620

- Địa bàn kinh doanh: + Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.

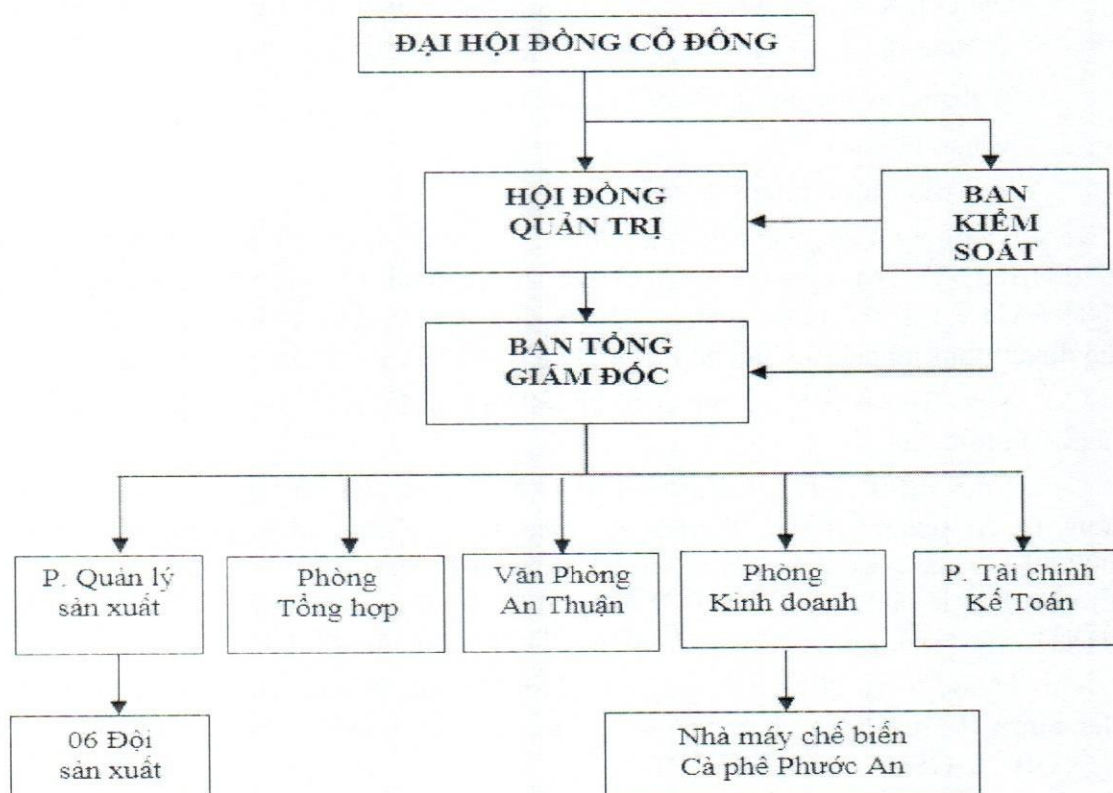
+ Xã Cư Né, Huyện Krông Buk, Tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông,
- Hội đồng quản trị,
- Ban kiểm soát,
- Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Phát triển ổn định diện tích cà phê công ty đang quản lý
- + Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm sau thu hoạch

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Các mục tiêu phát triển bền vững: (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Duy trì sản xuất cà phê theo bộ tiêu chuẩn UTZ.

+ Chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng khu vực công ty tổ chức sản xuất.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Sản phẩm sản xuất chủ yếu của Công ty:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, thu mua, chế biến cà phê xuất khẩu cà phê.

- Tổng sản lượng cà phê trong năm: 1.591 tấn cà phê nhân. Trong đó:

+ Sản lượng thu mua: 1.501 tấn cà phê nhân.

+ Sản lượng cà phê sản xuất: 90 tấn cà phê nhân.

- Tổng sản lượng cà phê tiêu thụ trong năm: 1.412 tấn cà phê nhân.

b. Tổng doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện: 64.287 triệu đồng, trong đó:

+ Doanh thu thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 63.771 triệu đồng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 88 triệu đồng.

+ Thu nhập khác : 428 triệu đồng.

c. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH năm 2022	% tăng, giảm
1	Doanh thu	Triệu đồng	116.488	64.287	Giảm 44,8%
2	Chi phí	“	121.448	80.694	Giảm 33,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	“	(4.960)	(16.406)	Giảm 330%
4	Lợi nhuận sau thuế	“	(4.960)	(16.406)	Giảm 330%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

2.1- Bà Nguyễn Huyền Trâm – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022): Không cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có.

2.2- Ông Hoàng Minh Châu – Tổng Giám đốc điều hành. (Bổ nhiệm ngày 14/12/2022)

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022): Không cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có.

2.3- Ông Trương Quang Tuấn – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 17/02/2022).

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022): 45.401 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ,

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có.

2.4- Ông Dương Kim Nhung – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022): 32.686 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ,

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có.

2.5- Ông Võ Đình Quốc Huy – Kế toán trưởng. (Miễn nhiệm ngày 01/7/2022.)

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP thực phẩm dinh dưỡng Nutifood.

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022): 0 cổ phiếu,

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có.

2.6- Ông Bùi Quốc Thịnh – Kế toán trưởng. (Bổ nhiệm ngày 01/7/2022)

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2022): 0 cổ phiếu,

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ông Trương Quang Tuấn, vào ngày 17/02/2022.

+ Bổ nhiệm ông Hoàng Minh Châu- Tổng giám đốc điều hành vào ngày 14/12/2022

+ Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Võ Đình Quốc Huy và bổ nhiệm ông Bùi Quốc Thịnh giữ chức vụ kế toán trưởng kể từ ngày 01/7/2022.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 23 lao động, trong đó:

Yếu tố	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
+ Cao học, Đại học	11	47,8
+ Cao đẳng, trung cấp	1	4,3
+ Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	11	47,8

- Các chính sách đối với người lao động:

* Chính sách nhân sự chung: Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

* Chính sách tiền lương: Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

- Chương trình đào tạo:

* Chính sách tuyển dụng, đào tạo, tuyển dụng: công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước.

* Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt được ...

- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động: Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính:

Đvt : triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	137.843	137.973	100,1%
2	Doanh thu thuần	58.673	63.771	108,7%
3	Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh	-10.207	-13.942	136,6%
4	Lợi nhuận khác	-5.025	-2.463	49,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	-15.232	-16.406	107,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	-15.232	-16.406	107,7%

- Các chỉ tiêu khác: Không.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn(Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	1,00	1,11	
+	Hệ số thanh toán nhanh(Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,58	0,64	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,35	0,47	
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,88	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	2,81	2,90	
	Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho			
+	Doanh thu thuần/tổng tài sản	0,43	0,46	

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,26	-0,26	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,17	-0,22	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,11	-0,12	
+	Hệ số Lợi nhuận HDSXKD/Doanh thu thuần	-0,17	-0,22	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- a) *Cổ phần*: - Tổng số cổ phần đang lưu hành: 23.627.990 cổ phần
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 23.586.294 cổ phần
 - Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 41.696 cổ phần

b) *Cơ cấu cổ đông*: Chốt tại ngày 24/3/2023 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ % So VDL
1	Cổ đông trong nước	177	23.627.990	100,00%
	- Cổ đông nhà nước (UBND Tỉnh Đắk Lắk)	1	4.769.796	20,19%
	- Cổ đông khác (Công đoàn C.ty Phước An)	1	10.000	0,04%
	- Cá nhân	175	18.848.194	79,77%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	177	23.627.990	100%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*:

- Công ty cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood là nhà đầu tư chiến lược, nắm giữ 77,31% cổ phần Công ty. Ngày 28/12/2022, Công ty cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cho các cá nhân khác.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không có.

e) *Các chứng khoán khác*: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm*: - Than đá: 0,0kg

b) *Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức*:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp*: Điện năng tiêu thụ: 462.000 Kw.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả*:

Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Hồ đập thủy lợi

- Lượng nước sử dụng cho chế biến cà phê: 0 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động : 23 người

- Mức lương trung bình: 10.865.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Đảm bảo mọi chế độ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả kinh doanh:

- Lợi nhuận: (16.406) triệu đồng.

- Nguyên nhân kinh doanh không hiệu quả:

+ Do trong năm 2022, sản lượng cà phê tiêu thụ thấp, trong khi đó các khoản chi phí của Công ty vẫn phát sinh như: chi phí lãi vay, tiền thuê đất, chi phí quản lý, tiền lương....nên ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty.

+ Do định giá lại tài sản đưa vào cổ phần hóa nên giá trị tài sản tăng dẫn đến giá trị khấu hao tăng, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh trong năm.

+ Trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định trong năm: 6,7ty đồng.

+ Trích lập giảm giá hàng tồn kho: 2,0ty đồng.

+ Do các hộ nhận khoán vườn cây của Công ty không nộp sản lượng, do vậy giá thành

chi phí Cà phê sản xuất tăng, dẫn đến giá vốn tăng ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD trong năm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

Tài sản cố định của công ty không biến động nhưng do đánh giá lại tài sản đưa vào cổ phần hóa nên giá trị tài sản tăng rất lớn làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ, một năm đưa vào chi phí khấu hao Tài sản cố định là: 12.917.525.000 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Hiện nay dư nợ vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng đến ngày 31/12/2022: 48.268.500.000.000VNĐ, (trong đó nợ vay ngắn hạn: 31.968.500.000.000 VNĐ, Vay dài hạn: 16.300.000.000đồng).

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Do dự nợ vay lớn nên hàng năm chi phí lãi vay đưa vào kết quả sản xuất kinh doanh số tiền: 3.025.266.466 VNĐ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sắp xếp lao động phù hợp với tình hình hoạt động của công ty theo hướng tinh giảm.
- Thay đổi mô hình quản lý, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cá nhân để thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (đính kèm)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Các hoạt động của Công ty tuân thủ theo Luật bảo vệ môi trường quy định.
- Các hoạt động phát sinh phát thải được giám sát, báo cáo theo quy định

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn quan tâm đến yếu tố tinh thần, nguồn thu nhập và sức khỏe người lao động trong toàn công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Tham gia tích cực các hoạt động từ thiện tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Hoạt động của công ty duy trì, ổn định và từng bước phát triển.
- Tất cả các hoạt động của công ty luôn chú trọng và quan tâm đến bảo vệ môi trường bền vững.

- Tham gia tích cực và có trách nhiệm trong công tác đảm bảo đời sống cho người lao động, an sinh xã hội trên địa bàn công ty hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban giám đốc công ty đã điều hành hoạt động của công ty đúng theo chủ trương, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT.

- Các hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của điều lệ công ty và Pháp luật nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Duy trì hoạt động sản xuất của công ty ổn định và phát triển.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Lê Nguyên Hòa	Chủ tịch HĐQT	0	0%	
2	Hồ Sỹ Trung	PCT HĐQT	4.769.796	20,19%	Người đại diện vốn nhà nước tại DN.
3	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên	0	0	Miễn nhiệm ngày 16/12/2022
4	Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên	0	0%	
5	Dương Kim Nhung	Thành viên	32.686	0,14%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tổ chức họp định kỳ và bất thường: Định kỳ hàng tháng HĐQT đã họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGD nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

+ Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.

+ Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

+ Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 cũng như các nội dung khác trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 17 cuộc họp, kết quả đã ban hành 167 Nghị quyết, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ
01	01-2022/NQ-HĐQT	16/02/2022	Phê duyệt Phương án thanh lý, giao khoán vườn cây đến hạn thanh lý hợp đồng tại vùng Phước An, huyện Krông Pắc	100%
02	02-2022/NQ-HĐQT	16/02/2022	Bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng GD công ty đối với ông Trương Quang Tuấn	100%
03	03-2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ cây trồng và tài sản trên đất để xét xử tại Tòa án thu hồi vườn cây giao khoán tại An Thuận.	100%
04	04-2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Phê duyệt của bỏ cây bơ và cà phê trong diện tích 10,53ha vườn cây Thực nghiệm	100%
05	05-2022/NQ-HĐQT	25/02/2022	Phê duyệt Phương án thanh lý, gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây của Công ty tại vùng An Thuận đến hạn thanh lý hợp đồng	100%
06	06-2022/NQ-HĐQT	08/3/2022	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
07	07-2022/NQ-HĐQT	22/4/2022	Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2022-2027	100%
08	08-2022/NQ-HĐQT	22/04/2022	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Hội đồng quản trị	100%
09	09-2022/NQ-HĐQT	27/04/2022	Phê duyệt chủ trương thanh lý TSCĐ, nhỏ bỏ cây cà phê trên diện tích 4,37ha của Công ty tại vùng An Thuận.	100%
10	10-2022/NQ-HĐQT	27/6/2022	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
11	11-2022/NQ-HĐQT	28/7/2022	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
12	12-2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	Vay vốn tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Đắk Lắk.	100%
13	13-2022/NQ-HĐQT	26/9/2022	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Phước An đối với ông Lê Khánh Việt.	100%
14	14-2022/NQ-HĐQT	15/11/2022	Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
15	15-2022/NQ-HĐQT	14/12/2022	Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành công ty cổ phần cà phê Phước An.	100%
16	16-2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Thống nhất một số nội dung liên quan đến vườn cây của Công ty tại vùng An Thuận.	100%
17	17-2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Hoàng Hiệp.	100%

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Công ty không có các chức danh này.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Trong năm công ty không có phát sinh.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TVBSS	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Trì	Trưởng Ban	16-8-2017	0	0%
2	Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	16-8-2017	0	0%
3	Lê Văn Khuân	Thành viên	29-6-2020	11.426	0,05%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát tổ chức họp 04 lần:

- Lần họp thứ nhất: ngày 04/04/2022: Nội dung: Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán).

- Lần họp thứ hai: ngày 12/04/2022: Nội dung: Thông qua Báo cáo công tác kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

- Lần họp thứ ba: ngày 22/04/2022: Nội dung: Hợp bầu trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

- Lần họp thứ tư: ngày 05/05/2022: Nội dung: Hợp phân công nhiệm vụ kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Ban kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông; Các quy định tại Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty CPCP Phước An đề ra.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp nào vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên, các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Trong năm 2022 do kết quả kinh doanh chưa đạt hiệu quả, HĐQT quyết định không chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2022 không có phát sinh.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2022 không có phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm 2022 Công ty thực hiện đầy đủ những nội dung theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đính kèm văn bản số 61438888/E-66806220 ngày 10/03/2023 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Công ty Cổ phần cà phê Phước An.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. (đính kèm)

Trên đây là Báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty Cổ phần cà phê Phước An trong năm 2022./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Huyền Trâm